

Số: 349/QĐ-THPTMD

Cẩm Phả, ngày 12 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-SGDĐT ngày 16/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ của Trường THPT Mông Dương (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Bộ phận kế toán và các tổ chuyên môn, văn phòng, các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Dương Thị Bích Mai

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 349/QĐ-THPTMD ngày 12/11/2024 của trường THPT Mông Dương)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
I	Số thu phí, lệ phí	-
1	Lệ phí	
2	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(76.350.000)
I	Nguồn ngân sách trong nước	(76.350.000)
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	(76.350.000)
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	(38.300.000)
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	(38.050.000)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 16 tháng 10 năm 2024

THUYẾT MINH CHI TIẾT KINH PHÍ THEO NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHI
(PL3 kèm theo mẫu C 06-03/NS)

Nội dung phân bổ: Kinh phí tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	38.300.000	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	38.050.000	
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	8.500.000	
	- Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	29.550.000	
	- Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		
	Tổng cộng	76.350.000	

(Tổng số tiền bằng chữ: bảy mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Vũ Thị Bích Ngọc

TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)



Đương Thị Bích Mai

Số: 1459/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là: 8.052.000.000 đồng (Tám tỷ không trăm năm mươi hai triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí tiết kiệm 5% từ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao: 7.544.395.000 đồng.

- Kinh phí tiết kiệm 5% từ số thu sự nghiệp và chi khác được để lại chi thường xuyên: 507.605.000 đồng.

(Các biểu chi tiết kèm theo Quyết định).

Điều 2. Số tiền tiết kiệm 5% từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của thủ tướng chính phủ về tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Đối với kinh phí cắt giảm, tiết kiệm từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên: trích vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để tăng đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp. Các đơn vị sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và quyết toán ngân sách theo đúng quy định của luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh (huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC₀₇.

Ký bởi: Chu Việt Phương

Ký bởi: Nguyễn Thị Hồng Ninh

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thúy

17	Trường THPT Mông Dương	76.350.000	76.350.000	38.300.000	38.050.000	-
18	Trường THPT Ngô Quyền	157.625.000	132.250.000	28.150.000	104.100.000	25.375.000
19	Trường PT DTNT THCS&THPT tỉnh	289.433.000	242.550.000	94.750.000	147.800.000	46.883.000
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	350.425.000	335.150.000	198.950.000	136.200.000	15.275.000
21	Trường THPT Trần Phú	139.100.000	111.100.000	56.200.000	54.900.000	28.000.000
22	Trường THPT Uông Bí	186.675.000	176.750.000	84.950.000	91.800.000	9.925.000
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	101.200.000	56.650.000	4.800.000	51.850.000	44.550.000
24	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	73.725.000	73.725.000	18.275.000	55.450.000	-
25	Trường THPT Đàm Hà	158.396.000	145.250.000	106.700.000	38.550.000	13.146.000
26	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	84.013.000	77.150.000	42.600.000	34.550.000	6.863.000
27	Trường THCS-THPT Hải Đông	118.300.000	118.300.000	84.550.000	33.750.000	-
28	Trường THPT Quảng Hà	152.880.000	139.460.000	46.510.000	92.950.000	13.420.000
29	Trường THCS&THPT Tiên Yên	111.018.000	108.500.000	55.400.000	53.100.000	2.518.000
30	Trường PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên	126.113.000	106.400.000	76.950.000	29.450.000	19.713.000
31	Trường THPT Ba Chẽ	88.060.000	76.900.000	36.450.000	40.450.000	11.160.000
32	Trường THPT Bình Liêu	179.290.000	164.600.000	73.800.000	90.800.000	14.690.000
33	Trường THPT Cô Tô	100.140.000	93.050.000	63.900.000	29.150.000	7.090.000
34	Trường THCS&THPT Hoành Mô	210.900.000	210.900.000	100.200.000	110.700.000	-
35	Trường THCS-THPT Quan Lạn	102.357.000	90.050.000	72.800.000	17.250.000	12.307.000
36	Trường THCS-THPT Quảng La	139.736.000	124.900.000	67.350.000	57.550.000	14.836.000
37	Trường THPT Hải Đảo	415.120.000	383.950.000	46.950.000	337.000.000	31.170.000

TT	Tên đơn vị	Thực hiện tiết kiệm trên dự toán chi ngân sách được giao năm 2024							Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm	Kinh phí 5% tiết kiệm	
		Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2024 được UBND tỉnh giao	Tổng số các khoản chi được loại trừ theo quy định	Tổng quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và các khoản chi cho người lao động (bao gồm cả hợp đồng 111)	Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đơn vị đầu năm	Chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn đối ứng các dự án ODA	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đã ký hợp đồng; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024			Kp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)	2.400	2.400					2.400	-	-	
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-						-	-	
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-						-	-	
17	Trường THPT Mông Dương	7.860	6.333	4.328	104	-	1.901	-	1.527	76,350	
	a. Kinh phí thực hiện tự chủ	5.198	4.432	4.328	104				766	38,300	
	b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.662	1.901	-	-	-	1.901	-	761	38,050	
	- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	709	709				709		-	-	
	- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT		-						-	-	
	- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	112	112				112		-	-	
	- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	170	-						170	8,500	
	Hỗ trợ chênh lệch học phí năm học 2023-2024 (Dự toán giao bổ sung theo QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 06/5/2024)	1.080	1.080				1.080		-	-	
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	591	-						591	29,550	
	Sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc(Đến thời điểm báo cáo chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)		-						-	-	
	Hội đồng thi học sinh giỏi cấp THPT		-						-	-	
	Thực hiện 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)		-						-	-	